

## XUNG ĐỘT [PHẦN CHÍNH]

1. Vị Tỳ-khuru theo đuổi sự xung đột trong khi phát biểu nơi hội chúng nên biết về sự việc, nên biết về sự hư hỏng, nên biết về tội vi phạm, nên biết về duyên khởi, nên biết về sự biểu hiện, nên biết điều trước và điều sau, nên biết việc đã được thực hiện và chưa được thực hiện, nên biết về hành sự, nên biết về sự tranh tụng, nên biết về sự dàn xếp, không nên thiên vị vì ưa thích, không nên thiên vị vì sân hận, không nên thiên vị vì si mê, không nên thiên vị vì sợ hãi, nên làm cho biết rõ về điều cần được biết rõ, nên dập tắt điều cần được dập tắt, nên xem xét điều cần được xem xét, nên tin tưởng vào điều đáng được tin tưởng, [nghĩ rằng]: “Ta đã đạt được đồ chúng” không nên xem thường đồ chúng người khác, [nghĩ rằng]: “Ta là người nghe nhiều” không nên xem thường vị nghe ít, [nghĩ rằng]: “Ta là vị thâm niên hơn” không nên xem thường vị mới tu sau, không nên nói về điều chưa được thành tựu, không nên bỏ qua điều đã được thành tựu đúng Pháp đúng Luật, sự tranh tụng ấy được giải quyết theo Pháp nào theo Luật nào theo lời dạy nào của bậc Đạo sư thì nên giải quyết sự tranh tụng ấy như thế.

2. *Nên biết về sự việc*: Là nên biết về sự việc của tám điều *Pārājika*, nên biết về sự việc của hai mươi ba điều *Saṅghādisesa*, nên biết về sự việc của hai điều *Aniyata*, nên biết về sự việc của bốn mươi hai điều *Nissaggiya*, nên biết về sự việc của một trăm tám mươi tám điều *Pācittiya*, nên biết về sự việc của mười hai điều *Pāṭidesanīya*, nên biết về sự việc của các điều *Dukkaṭa*, nên biết về sự việc của các điều *Dubbhāsita*.

3. *Nên biết về sự hư hỏng*: Là nên biết về sự hư hỏng về giới, nên biết về sự hư hỏng về hạnh kiểm, nên biết về sự hư hỏng về quan điểm, nên biết về sự hư hỏng về nuôi mạng.

4. *Nên biết về tội vi phạm*: Là nên biết về tội *Pārājika*, nên biết về tội *Saṅghādisesa*, nên biết về tội *Aniyata*, nên biết về tội *Nissaggiya*, nên biết về tội *Pācittiya*, nên biết về tội *Pāṭidesanīya*, nên biết về tội *Dukkaṭa*, nên biết về tội *Dubbhāsita*.

5. *Nên biết về duyên khởi*: Là nên biết về duyên khởi của tám điều *Pārājika*, nên biết về duyên khởi của hai mươi ba điều *Saṅghādisesa*, nên biết về duyên khởi của hai điều *Aniyata*, nên biết về duyên khởi của bốn mươi hai điều *Nissaggiya*, nên biết về duyên khởi của một trăm tám mươi tám điều *Pācittiya*, nên biết về duyên khởi của mười hai điều *Pāṭidesanīya*, nên biết về duyên khởi của các điều *Dukkaṭa*, nên biết về duyên khởi của các điều *Dubbhāsita*.

**6. Nên biết về sự biểu hiện:** Là nên biết về hội chúng từ sự biểu hiện, nên biết về nhóm từ sự biểu hiện, nên biết về cá nhân từ sự biểu hiện, nên biết về vị cáo tội từ sự biểu hiện, nên biết về vị bị buộc tội từ sự biểu hiện.

*Nên biết về hội chúng từ sự biểu hiện:* Là [nghĩ rằng]: “Hội chúng này có khả năng để giải quyết sự tranh tụng này theo Pháp, theo Luật, theo lời dạy của bậc Đạo sư hay là không có [khả năng]?” Nên biết về hội chúng từ sự biểu hiện là như thế.

*Nên biết về nhóm từ sự biểu hiện:* Là [nghĩ rằng]: “Nhóm này có khả năng để giải quyết sự tranh tụng này theo Pháp, theo Luật, theo lời dạy của bậc Đạo sư hay là không có [khả năng]?” Nên biết về nhóm từ sự biểu hiện là như thế.

*Nên biết về cá nhân từ sự biểu hiện:* Là [nghĩ rằng]: “Cá nhân này có khả năng để giải quyết sự tranh tụng này theo Pháp, theo Luật, theo lời dạy của bậc Đạo sư hay là không có [khả năng]?” Nên biết về cá nhân từ sự biểu hiện là như thế.

*Nên biết về vị cáo tội từ sự biểu hiện:* Là [nghĩ rằng]: “Phải chăng Đại đức này cáo tội vị khác sau khi đã an trú vào năm pháp hay là chưa [an trú]?” Nên biết về vị cáo tội từ sự biểu hiện là như thế.

*Nên biết về vị bị buộc tội từ sự biểu hiện:* Là [nghĩ rằng]: “Phải chăng Đại đức này đã được an trú ở hai pháp là ở sự chân thật và ở sự không nổi giận hay là chưa được [an trú]?” Nên biết về vị bị buộc tội từ sự biểu hiện là như thế.

**7. Nên biết điều trước và điều sau:** Là [nghĩ rằng]: “Phải chăng Đại đức này tráo trở từ sự việc [này] sang sự việc [khác], hay là tráo trở từ sự hư hỏng [này] sang sự hư hỏng [khác], hay là tráo trở từ tội [này] sang tội [khác], hay là sau khi phủ nhận rồi thừa nhận, hay là sau khi thừa nhận rồi phủ nhận, hay là tránh né điều này bằng điều khác, hay là không có?” Nên biết điều trước và điều sau là như thế.

**8. Nên biết việc đã được thực hiện và chưa được thực hiện:** Là nên biết về việc đôi lứa, nên biết về việc tương xứng đối với việc đôi lứa, nên biết phần việc xảy ra trước của việc đôi lứa.

*Nên biết về việc đôi lứa:* Là nên biết về sự kết hợp chung lại của hai người.

*Nên biết về việc tương xứng đối với việc đôi lứa:* Là vị Tỳ-khưu dùng miệng của mình ngậm lấy dương vật của vị khác.

*Nên biết phần việc xảy ra trước của việc đôi lứa:* Là màu và không màu [của tinh dịch], sự xúc chạm cơ thể, sự nói lời dâm dật, sự hầu hạ tình dục cho bản thân, việc mai mối.

**9. Nên biết về hành sự:** Là nên biết về mười sáu hành sự, nên biết về bốn hành sự với lời công bố, nên biết về bốn hành sự với lời đề nghị, nên biết về bốn hành sự có lời đề nghị đến lần thứ nhì, nên biết về bốn hành sự có lời đề nghị đến lần thứ tư.

**10. Nên biết về sự tranh tụng:** Là nên biết về bốn sự tranh tụng, nên biết về sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, nên biết về sự tranh tụng liên quan đến khiển trách, nên biết về sự tranh tụng liên quan đến tội, nên biết về sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ.

**11. Nên biết về sự dàn xếp:** Là nên biết về bảy cách dàn xếp, nên biết về hành xử Luật với sự hiện diện, nên biết về hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, nên biết về hành xử Luật khi không điên cuồng, nên biết về việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, nên biết về thuận theo số đông, nên biết về [hành xử Luật] theo tội của vị ấy, nên biết về cách dùng cỏ che lấp.

**12. Không nên thiên vị vì ưa thích:** Trong khi thiên vị vì ưa thích, vị thiên vị vì ưa thích như thế nào?

– Ở đây, có vị [nghĩ rằng]: “Đối với ta đây, [vị này] là thầy tế độ, hoặc là thầy dạy học, hoặc là đệ tử, hoặc là học trò, hoặc là đồng thầy tế độ, hoặc là đồng thầy dạy học, hoặc là đồng quan điểm, hoặc là thân thiết, hoặc là thân quyến đồng huyết thống” rồi do lòng thương tưởng vị ấy, do sự bảo vệ vị ấy rồi tuyên bố phi Pháp là “Pháp”, tuyên bố Pháp là “phi Pháp”, tuyên bố phi Luật là “Luật”, tuyên bố Luật là “phi Luật”, tuyên bố điều đã không được giảng, không được nói bởi đức Như Lai là “điều đã được giảng, đã được nói bởi đức Như Lai”, tuyên bố điều đã được giảng, đã được nói bởi đức Như Lai là “điều đã không được giảng, không được nói bởi đức Như Lai”, tuyên bố điều không được thực hành bởi đức Như Lai là “điều đã được thực hành bởi đức Như Lai”, tuyên bố điều được thực hành bởi đức Như Lai là “điều đã không được thực hành bởi đức Như Lai”, tuyên bố điều không được quy định bởi đức Như Lai là “điều đã được quy định bởi đức Như Lai”, tuyên bố điều được quy định bởi đức Như Lai là “điều đã không được quy định bởi đức Như Lai”, tuyên bố vô tội là “phạm tội”, tuyên bố phạm tội là “vô tội”, tuyên bố tội nhẹ là “tội nặng”, tuyên bố tội nặng là “tội nhẹ”, tuyên bố tội còn dư sót là “tội không còn dư sót”, tuyên bố tội không còn dư sót là “tội còn dư sót”, tuyên bố tội xấu xa là “tội không xấu xa”, tuyên bố tội không xấu xa là “tội xấu xa.” Với mười tám sự việc này, trong khi thiên vị vì ưa thích vị [ấy] đã thực hành không vì lợi ích của nhiều người, không vì an lạc của nhiều người, vì sự không tán hóa, vì sự không lợi ích, vì sự khổ đau của nhiều người, của chư thiên và nhân loại. Với mười tám sự việc này, trong khi thiên vị vì ưa thích, vị [ấy] làm cho bản thân bị chôn vùi, bị tổn hại, trở thành có tội, có sự chê trách của những người hiểu biết và gây nên nhiều điều vô phước. Trong khi thiên vị vì ưa thích, vị thiên vị vì ưa thích là như thế.

**13. Không nên thiên vị vì sân hận:** Trong khi thiên vị vì sân hận, vị thiên vị vì sân hận như thế nào?

– Ở đây, có vị [nghĩ rằng]: “Hắn đã gây cho ta điều không lợi ích” rồi kết oan trái, “Hắn đang gây cho ta điều không lợi ích” rồi kết oan trái, “Hắn

sẽ gây cho ta điều không lợi ích” rồi kết oan trái. [Nghĩ rằng]: “Hắn đã gây điều không lợi ích, đang gây điều không lợi ích, sẽ gây điều không lợi ích cho người được ta thương yêu quý mến” rồi kết oan trái. [Nghĩ rằng]: “Hắn đã gây điều lợi ích, đang gây điều lợi ích, sẽ gây điều lợi ích cho người không được ta thương yêu quý mến” rồi kết oan trái. Do chín sự việc oan trái này, vị [ấy] trở nên thù hằn, ác cảm, giận dữ, bị chế ngự bởi sự căm kình rồi tuyên bố phi Pháp là “Pháp”, tuyên bố Pháp là “phi Pháp” ...(nt)... tuyên bố tội xấu xa là “tội không xấu xa”, tuyên bố tội không xấu xa là “tội xấu xa.” Với mười tám sự việc này, trong khi thiên vị vì sân hận vị [ấy] đã thực hành không vì lợi ích của nhiều người, không vì an lạc của nhiều người, vì sự không tấn hóa, vì sự không lợi ích, vì sự khổ đau của nhiều người, của chư thiên và nhân loại. Với mười tám sự việc này, trong khi thiên vị vì sân hận, vị [ấy] làm cho bản thân bị chôn vùi, bị tổn hại, trở thành có tội, có sự chê trách của những người hiểu biết và gây nên nhiều điều vô phước. Trong khi thiên vị vì sân hận, vị thiên vị vì sân hận là như thế.

**14. Không nên thiên vị vì si mê:** Trong khi thiên vị vì si mê, vị thiên vị vì si mê như thế nào?

– Vị bị ái nhiễm chịu sự sai khiến của ái dục; bị sân hận chịu sự sai khiến của sân hận; bị si mê chịu sự sai khiến của si mê; bị ô nhiễm chịu sự sai khiến của tà kiến, bị si mê, bị si mê hoàn toàn, bị chế ngự bởi si mê rồi tuyên bố phi Pháp là “Pháp”, tuyên bố Pháp là “phi Pháp”, ...(nt)... tuyên bố tội xấu xa là “tội không xấu xa”, tuyên bố tội không xấu xa là “tội xấu xa.” Với mười tám sự việc này, trong khi thiên vị vì si mê, vị [ấy] đã thực hành không vì lợi ích của nhiều người, không vì an lạc của nhiều người, vì sự không tấn hóa, vì sự không lợi ích, vì sự khổ đau của nhiều người, của chư thiên và nhân loại. Với mười tám sự việc này, trong khi thiên vị vì si mê, vị [ấy] làm cho bản thân bị chôn vùi, bị tổn hại, trở thành có tội, có sự chê trách của những người hiểu biết và gây nên nhiều điều vô phước. Trong khi thiên vị vì si mê, vị thiên vị vì si mê là như thế.

**15. Không nên thiên vị vì sợ hãi:** Trong khi thiên vị vì sợ hãi, vị thiên vị vì sợ hãi như thế nào?

– Ở đây, có vị [nghĩ rằng]: “Người này hoặc là cậy vào sự bất công, hoặc là cậy vào sự nắm giữ, hoặc là cậy vào sức mạnh, [là người] tàn bạo, thô lỗ sẽ gây nguy hiểm cho mạng sống hoặc là gây nguy hiểm cho Phạm hạnh”, do sự sợ hãi của điều ấy, vị [ấy] bị hoảng sợ rồi tuyên bố phi Pháp là “Pháp”, tuyên bố Pháp là “phi Pháp”, tuyên bố phi Luật là “Luật”, tuyên bố Luật là “phi Luật”, tuyên bố điều đã không được giảng, không được nói bởi đức Như Lai là “điều đã được giảng, đã được nói bởi đức Như Lai”, tuyên bố điều đã được giảng, đã được nói bởi đức Như Lai là “điều đã không được giảng, không được nói bởi đức Như Lai”, tuyên bố điều không được thực hành bởi đức Như Lai là “điều đã được thực hành bởi đức Như Lai”, tuyên bố điều được thực hành bởi đức Như

Lai là “điều đã không được thực hành bởi đức Như Lai”, tuyên bố điều không được quy định bởi đức Như Lai là “điều đã được quy định bởi đức Như Lai”, tuyên bố điều được quy định bởi đức Như Lai là “điều đã không được quy định bởi đức Như Lai”, tuyên bố vô tội là “phạm tội”, tuyên bố phạm tội là “vô tội”, tuyên bố tội nhẹ là “tội nặng”, tuyên bố tội nặng là “tội nhẹ”, tuyên bố tội còn dư sót là “tội không còn dư sót”, tuyên bố tội không còn dư sót là “tội còn dư sót”, tuyên bố tội xấu xa là “tội không xấu xa”, tuyên bố tội không xấu xa là “tội xấu xa.” Với mười tám sự việc này, trong khi thiên vị vì sợ hãi, vị [ấy] đã thực hành không vì lợi ích của nhiều người, không vì an lạc của nhiều người, vì sự không tấn hóa, vì sự không lợi ích, vì sự khổ đau của nhiều người, của chư thiên và nhân loại. Với mười tám sự việc này, trong khi thiên vị vì sợ hãi, vị [ấy] làm cho bản thân bị chôn vùi, bị tổn hại, trở thành có tội, có sự chê trách của những người hiểu biết và gây nên nhiều điều vô phước. Trong khi thiên vị vì sợ hãi, vị thiên vị vì sợ hãi là như thế.

**16.** *Vì ưa thích, vì sân hận, vì sợ hãi, vì si mê, vị nào đối nghịch Chánh pháp, danh tiếng của vị ấy bị hủy hoại, vì như mặt trăng vào lúc hạ huyền.*

**17.** Thế nào là vị không thiên vị vì ưa thích?

– Trong khi tuyên bố phi Pháp là “phi Pháp”, vị [ấy] không thiên vị vì ưa thích; trong khi tuyên bố Pháp là “Pháp”, vị [ấy] không thiên vị vì ưa thích; trong khi tuyên bố phi Luật là “phi Luật”, vị [ấy] không thiên vị vì ưa thích; trong khi tuyên bố Luật là “Luật”, vị [ấy] không thiên vị vì ưa thích; trong khi tuyên bố điều đã không được giảng, không được nói bởi đức Như Lai là “điều đã không được giảng, không được nói bởi đức Như Lai”, vị [ấy] không thiên vị vì ưa thích; trong khi tuyên bố điều đã được giảng, đã được nói bởi đức Như Lai là “điều đã được giảng, đã được nói bởi đức Như Lai”, vị [ấy] không thiên vị vì ưa thích; trong khi tuyên bố điều không được thực hành bởi đức Như Lai là “điều không được thực hành bởi đức Như Lai”, vị [ấy] không thiên vị vì ưa thích; trong khi tuyên bố điều đã được thực hành bởi đức Như Lai là “điều đã được thực hành bởi đức Như Lai”, vị [ấy] không thiên vị vì ưa thích; trong khi tuyên bố điều đã không được quy định bởi đức Như Lai là “điều đã không được quy định bởi đức Như Lai”, vị [ấy] không thiên vị vì ưa thích; trong khi tuyên bố điều đã được quy định bởi đức Như Lai là “điều đã được quy định bởi đức Như Lai”, vị [ấy] không thiên vị vì ưa thích; trong khi tuyên bố vô tội là “vô tội”, vị [ấy] không thiên vị vì ưa thích; trong khi tuyên bố phạm tội là “phạm tội”, vị [ấy] không thiên vị vì ưa thích; trong khi tuyên bố tội nhẹ là “tội nhẹ”, vị [ấy] không thiên vị vì ưa thích; trong khi tuyên bố tội nặng là “tội nặng”, vị [ấy] không thiên vị vì ưa thích; trong khi tuyên bố tội còn dư sót là “tội còn dư sót”, vị [ấy] không thiên vị vì ưa thích; trong khi tuyên bố tội không còn dư sót là “tội không còn dư sót”, vị [ấy] không thiên vị vì ưa thích; trong khi tuyên bố tội xấu xa là “tội xấu xa”, vị [ấy] không thiên vị vì ưa thích; trong khi tuyên bố

tội không xấu xa là “tội không xấu xa”, vị [ấy] không thiên vị vì ưa thích. Vị không thiên vị vì ưa thích là như thế.

**18. Thế nào là vị không thiên vị vì sân hận?**

– Trong khi tuyên bố phi Pháp là “phi Pháp”, vị [ấy] không thiên vị vì sân hận; trong khi tuyên bố Pháp là “Pháp”, vị [ấy] không thiên vị vì sân hận; ... (nt)... trong khi tuyên bố tội xấu xa là “tội xấu xa”, vị [ấy] không thiên vị vì sân hận; trong khi tuyên bố tội không xấu xa là “tội không xấu xa”, vị [ấy] không thiên vị vì sân hận. Vị không thiên vị vì sân hận là như thế.

**19. Thế nào là vị không thiên vị vì si mê?**

– Trong khi tuyên bố phi Pháp là “phi Pháp”, vị [ấy] không thiên vị vì si mê; trong khi tuyên bố Pháp là “Pháp”, vị [ấy] không thiên vị vì si mê; ... (nt)... trong khi tuyên bố tội xấu xa là “tội xấu xa”, vị [ấy] không thiên vị vì si mê; trong khi tuyên bố tội không xấu xa là “tội không xấu xa”, vị [ấy] không thiên vị vì si mê. Vị không thiên vị vì si mê là như thế.

**20. Thế nào là vị không thiên vị vì sợ hãi?**

– Trong khi tuyên bố phi Pháp là “phi Pháp”, vị [ấy] không thiên vị vì sợ hãi; trong khi tuyên bố Pháp là “Pháp”, vị [ấy] không thiên vị vì sợ hãi; trong khi tuyên bố phi Luật là “phi Luật”, vị [ấy] không thiên vị vì sợ hãi; trong khi tuyên bố Luật là “Luật”, vị [ấy] không thiên vị vì sợ hãi; trong khi tuyên bố điều đã không được giảng, không được nói bởi đức Như Lai là “điều đã không được giảng, không được nói bởi đức Như Lai”, vị [ấy] không thiên vị vì sợ hãi; trong khi tuyên bố điều đã được giảng, đã được nói bởi đức Như Lai là “điều đã được giảng, đã được nói bởi đức Như Lai”, vị [ấy] không thiên vị vì sợ hãi; trong khi tuyên bố điều không được thực hành bởi đức Như Lai là “điều không được thực hành bởi đức Như Lai”, vị [ấy] không thiên vị vì sợ hãi; trong khi tuyên bố điều đã được thực hành bởi đức Như Lai là “điều đã được thực hành bởi đức Như Lai”, vị [ấy] không thiên vị vì sợ hãi; trong khi tuyên bố điều đã không được quy định bởi đức Như Lai là “điều đã không được quy định bởi đức Như Lai”, vị [ấy] không thiên vị vì sợ hãi; trong khi tuyên bố điều đã được quy định bởi đức Như Lai là “điều đã được quy định bởi đức Như Lai”, vị [ấy] không thiên vị vì sợ hãi; trong khi tuyên bố vô tội là “vô tội”, vị [ấy] không thiên vị vì sợ hãi; trong khi tuyên bố phạm tội là “phạm tội”, vị [ấy] không thiên vị vì sợ hãi; trong khi tuyên bố tội nhẹ là “tội nhẹ”, vị [ấy] không thiên vị vì sợ hãi; trong khi tuyên bố tội nặng là “tội nặng”, vị [ấy] không thiên vị vì sợ hãi; trong khi tuyên bố tội còn dư sót là “tội còn dư sót”, vị [ấy] không thiên vị vì sợ hãi; trong khi tuyên bố tội không còn dư sót là “tội không còn dư sót”, vị [ấy] không thiên vị vì sợ hãi; trong khi tuyên bố tội xấu xa là “tội xấu xa”, vị [ấy] không thiên vị vì sợ hãi; trong khi tuyên bố tội không xấu xa là “tội không xấu xa”, vị [ấy] không thiên vị vì sợ hãi. Vị không thiên vị vì sợ hãi là như thế.

**21.** *Vì ưa thích, vì sân hận, vì sợ hãi, vì si mê, vì không đối nghịch Chánh pháp, danh tiếng của vị ấy được bồi đắp tựa như mặt trăng ở vào thượng huyền [được tròn dần].*

**22.** Thế nào là vị làm cho biết rõ về điều cần được biết rõ?

– Trong khi tuyên bố phi Pháp là “phi Pháp”, vị [ấy] làm cho biết rõ về điều cần được biết rõ; trong khi tuyên bố Pháp là “Pháp”, vị [ấy] làm cho biết rõ về điều cần được biết rõ; ... (nt)... trong khi tuyên bố tội xấu xa là “tội xấu xa”, vị [ấy] làm cho biết rõ về điều cần được biết rõ; trong khi tuyên bố tội không xấu xa là “tội không xấu xa”, vị [ấy] làm cho biết rõ về điều cần được biết rõ. Vị làm cho biết rõ về điều cần được biết rõ là như thế.

**23.** Thế nào là vị dập tắt điều cần được dập tắt?

– Trong khi tuyên bố phi Pháp là “phi Pháp”, vị [ấy] dập tắt điều cần được dập tắt; trong khi tuyên bố Pháp là “Pháp”, vị [ấy] dập tắt điều cần được dập tắt; ... (nt)... trong khi tuyên bố tội không xấu xa là “tội không xấu xa”, vị [ấy] dập tắt điều cần được dập tắt; trong khi tuyên bố tội xấu xa là “tội xấu xa”, vị [ấy] dập tắt điều cần được dập tắt. Vị dập tắt điều cần được dập tắt là như thế.

**24.** Thế nào là vị xem xét điều cần được xem xét?

– Trong khi tuyên bố phi Pháp là “phi Pháp”, vị [ấy] xem xét điều cần được xem xét; trong khi tuyên bố Pháp là “Pháp” ... (nt)...; trong khi tuyên bố tội xấu xa là “tội xấu xa” ... (nt)...; trong khi tuyên bố tội không xấu xa là “tội không xấu xa” ... (nt)... Vị xem xét điều cần được xem xét là như thế.

**25.** Thế nào là vị tin tưởng vào điều đáng được tin tưởng?

– Trong khi tuyên bố phi Pháp là “phi Pháp”, vị [ấy] tin tưởng vào điều đáng được tin tưởng; trong khi tuyên bố Pháp là “Pháp” ... (nt)...; trong khi tuyên bố tội xấu xa là “tội xấu xa” ... (nt)...; trong khi tuyên bố tội không xấu xa là “tội không xấu xa” ... (nt)... Vị tin tưởng vào điều đáng được tin tưởng là như thế.

**26.** Thế nào là vị [nghĩ rằng]: “Ta đã đạt được đồ chúng” rồi xem thường đồ chúng người khác?

– Ở đây, có vị đã đạt được đồ chúng, đã đạt được tùy tùng, là vị có đồ chúng, có người thân cận [nghĩ rằng]: “Người này không đạt được đồ chúng, không đạt được tùy tùng, không là vị có đồ chúng, không là vị có người thân cận” trong khi xem thường người ấy rồi tuyên bố phi Pháp là “Pháp”, tuyên bố Pháp là “phi Pháp” ... (nt)... tuyên bố tội xấu xa là “tội không xấu xa”, tuyên bố tội không xấu xa là “tội xấu xa.” Vị [nghĩ rằng]: “Ta đã đạt được đồ chúng” rồi xem thường đồ chúng người khác là như thế.

**27.** Thế nào là vị [nghĩ rằng]: “Ta là người nghe nhiều” rồi xem thường vị nghe ít?

– Ở đây, có vị nghe nhiều, ghi nhớ điều đã nghe, tích lũy điều đã nghe [nghĩ rằng]: “Người này nghe ít, kế thừa ít, ghi nhớ ít” trong khi xem thường người ấy rồi tuyên bố phi Pháp là “Pháp”, tuyên bố Pháp là “phi Pháp” ...(nt)... tuyên bố tội xấu xa là “tội không xấu xa”, tuyên bố tội không xấu xa là “tội xấu xa.” Vị [nghĩ rằng]: “Ta là người nghe nhiều” rồi xem thường vị nghe ít là như thế.

**28.** Thế nào là vị [nghĩ rằng]: “Ta là vị thâm niên hơn” rồi xem thường vị mới tu sau?

– Ở đây, có vị là Trưởng lão, có kinh nghiệm, đã xuất gia lâu dài [nghĩ rằng]: “Người này mới tu, thiếu trí, ít nghe, ít hiểu biết việc đã được làm, lời nói của người này sẽ không được thực hiện” trong khi xem thường người ấy rồi tuyên bố phi Pháp là “Pháp”, tuyên bố Pháp là “phi Pháp” ...(nt)... tuyên bố tội xấu xa là “tội không xấu xa”, tuyên bố tội không xấu xa là “tội xấu xa.” Vị [nghĩ rằng]: “Ta là vị thâm niên hơn” rồi xem thường vị mới tu sau là như thế.

**29.** *Không nên nói về điều chưa được thành tựu:* Là không nên đưa ra lời nói chưa được đưa ra.

**30.** *Không nên bỏ qua điều đã được thành tựu đúng Pháp đúng Luật:* Là không nên bỏ qua sự việc đúng Pháp đúng Luật mà hội chúng đã được triệu tập lại vì sự việc ấy.

**31.** *Theo Pháp nào:* Là theo sự việc có thật.

*Theo Luật nào:* Là sau khi đã cáo tội, sau khi đã làm cho nhớ lại.

*Theo lời dạy nào của bậc Đạo sư:* Là với sự đầy đủ của lời đề nghị, với sự đầy đủ của lời tuyên bố. Sự tranh tụng ấy được giải quyết theo Pháp nào, theo Luật nào, theo lời dạy nào của bậc Đạo sư thì nên giải quyết sự tranh tụng ấy như thế.

\*\*\*\*\*

## SỰ THÂM VẤN CỦA VỊ XÉT XỬ

*Vị xét xử nên hỏi vị cáo tội rằng:* “Này Đại đức, việc ngài đình chỉ lễ *Pavāraṇā* của vị Tỳ-khưu này, ngài đình chỉ vị ấy vì lý do gì, đình chỉ vì hư hỏng về giới, đình chỉ vì hư hỏng về hạnh kiểm, đình chỉ vì hư hỏng về quan điểm?”

Nếu vị ấy nói như vậy: “Hoặc là tôi đình chỉ vì hư hỏng về giới, hoặc là đình chỉ vì hư hỏng về hạnh kiểm, hoặc là đình chỉ vì hư hỏng về quan điểm.”

Vị ấy nên được nói như sau: “Vậy ngài có biết sự hư hỏng về giới không, có biết sự hư hỏng về hạnh kiểm không, có biết sự hư hỏng về quan điểm không?”

Nếu vị ấy nói như vậy: “Này Đại đức, tôi biết sự hư hỏng về giới, tôi biết sự hư hỏng về hạnh kiểm, tôi biết sự hư hỏng về quan điểm.”

Vị ấy nên được nói như sau: ‘Này Đại đức, vậy điều gì là sự hư hỏng về giới, điều gì là sự hư hỏng về hạnh kiểm, điều gì là sự hư hỏng về quan điểm?’



Nếu vị ấy nói như vậy: “Bốn tội *Pārājika*, mười ba tội *Saṅghādisesa*, đó là sự hư hỏng về giới. Tội *Thullaccaya*, tội *Pācittiya*, tội *Pāṭidesanīya*, tội *Dukkaṭa*, tội *Dubbhāsita*, đó là sự hư hỏng về hạnh kiểm. Tà kiến, hữu biên kiến, đó là sự hư hỏng về quan điểm.”

Vị ấy nên được nói như sau: “Này Đại đức, việc mà ngài đình chỉ lễ *Pavāraṇā* của vị Tỳ-khuru này, có phải ngài đình chỉ do đã được thấy, đình chỉ do đã được nghe, đình chỉ do sự nghi ngờ?”

Nếu vị ấy nói như vậy: “Hoặc là tôi đình chỉ do đã được thấy, hoặc là đình chỉ do đã được nghe, hoặc là đình chỉ do sự nghi ngờ.”

Vị ấy nên được nói như sau: “Này Đại đức, việc mà ngài đình chỉ lễ *Pavāraṇā* của vị Tỳ-khuru này do đã được thấy, ngài đã thấy gì, ngài đã thấy thế nào, ngài đã thấy khi nào, ngài đã thấy ở đâu? Có phải đã thấy vị [ấy] đang phạm tội *Pārājika*?... tội *Saṅghādisesa*?... tội *Thullaccaya*?... tội *Pācittiya*?... tội *Pāṭidesanīya*?... tội *Dukkaṭa*? Có phải đã thấy vị [ấy] đang phạm tội *Dubbhāsita*? Và ngài đã ở đâu? Và vị Tỳ-khuru này đã ở đâu? Và ngài đã làm gì? Và vị Tỳ-khuru này đã làm gì?”

Nếu vị ấy nói như vậy: “Này Đại đức, tôi quả không đình chỉ lễ *Pavāraṇā* của vị Tỳ-khuru này do đã được thấy, tuy nhiên tôi đình chỉ lễ *Pavāraṇā* do đã được nghe.”

Vị ấy nên được nói như sau: “Này Đại đức, việc mà ngài đình chỉ lễ *Pavāraṇā* của vị Tỳ-khuru này do đã được nghe, ngài đã nghe gì, ngài đã nghe thế nào, ngài đã nghe khi nào, ngài đã nghe ở đâu? Có phải đã nghe rằng: ‘Vị [ấy] đã phạm tội *Pārājika*?’ Có phải đã nghe rằng: ‘Vị [ấy] đã phạm tội *Saṅghādisesa*?’... tội *Thullaccaya*?... tội *Pācittiya*?... tội *Pāṭidesanīya*?... tội *Dukkaṭa*?’ Có phải đã nghe rằng: ‘Vị [ấy] đã phạm tội *Dubbhāsita*?’ Có phải đã nghe từ vị Tỳ-khuru, đã nghe từ vị Tỳ-khuru-ni, đã nghe từ cô Ni tu tập sự, đã nghe từ vị Sa-di, đã nghe từ vị Sa-di-ni, đã nghe từ nam cư sĩ, đã nghe từ nữ cư sĩ, đã nghe từ các đức vua, đã nghe từ các quan đại thần của đức vua, đã nghe từ các ngoại đạo, đã nghe từ các đệ tử của ngoại đạo?”

Nếu vị ấy nói như vậy: “Này Đại đức, tôi quả không đình chỉ lễ *Pavāraṇā* của vị Tỳ-khuru này do đã được nghe, tuy nhiên tôi đình chỉ lễ *Pavāraṇā* do sự nghi ngờ.”

Vị ấy nên được nói như sau: “Này Đại đức, việc mà ngài đình chỉ lễ *Pavāraṇā* của vị Tỳ-khuru này do sự nghi ngờ, ngài nghi ngờ gì, nghi ngờ như thế nào, nghi ngờ khi nào, nghi ngờ ở đâu? Có phải ngài nghi ngờ rằng: ‘Vị [ấy] đã phạm tội *Pārājika*?’... tội *Saṅghādisesa*?... tội *Thullaccaya*?... tội *Pācittiya*?... tội *Pāṭidesanīya*?... tội *Dukkaṭa*?’ Có phải ngài nghi ngờ rằng: ‘Vị [ấy] đã phạm tội *Dubbhāsita*?’ Có phải ngài nghi ngờ sau khi nghe từ vị Tỳ-khuru, nghi ngờ sau khi nghe từ vị Tỳ-khuru-ni, nghi ngờ sau khi nghe từ cô Ni tu tập sự, nghi ngờ sau khi nghe từ vị Sa-di, nghi ngờ sau khi nghe từ vị

Sa-di-ni, nghi ngờ sau khi nghe từ nam cư sĩ, nghi ngờ sau khi nghe từ nữ cư sĩ, nghi ngờ sau khi nghe từ các đức vua, nghi ngờ sau khi nghe từ các quan đại thần của đức vua, nghi ngờ sau khi nghe từ các ngoại đạo, nghi ngờ sau khi nghe từ các đệ tử của ngoại đạo?”

1. *Điều được thấy tương tự với điều đã được thấy, điều được thấy phù hợp với điều đã được thấy, căn cứ vào điều đã được thấy mà không thừa nhận thì bị nghi ngờ là không thanh tịnh; vị ấy do sự thừa nhận thì nên hành lễ Pavāraṇā với vị ấy.*

2. *Điều được nghe tương tự với điều đã được nghe, điều được nghe phù hợp với điều đã được nghe, căn cứ vào điều đã được nghe mà không thừa nhận thì bị nghi ngờ là không thanh tịnh; vị ấy do sự thừa nhận thì nên hành lễ Pavāraṇā với vị ấy.*

3. *Điều được cảm nhận tương tự với điều đã được cảm nhận, điều được cảm nhận phù hợp với điều đã được cảm nhận, căn cứ vào điều đã được cảm nhận mà không thừa nhận thì bị nghi ngờ là không thanh tịnh; vị ấy do sự thừa nhận thì nên hành lễ Pavāraṇā với vị ấy.*

\*\*\*\*\*

## PHÂN TÍCH VỀ CÂU HỎI

1. “Ngài đã thấy gì?” là câu hỏi về điều gì? “Ngài đã thấy thế nào?” là câu hỏi về điều gì? “Ngài đã thấy khi nào?” là câu hỏi về điều gì? “Ngài đã thấy ở đâu?” là câu hỏi về điều gì?

2. “Ngài đã thấy gì? ”: Là câu hỏi về sự việc, là câu hỏi về sự hư hỏng, là câu hỏi về tội vi phạm, là câu hỏi về sự vi phạm.

*Câu hỏi về sự việc:* Là câu hỏi về sự việc của tám điều *Pārājika*, là câu hỏi về sự việc của hai mươi ba điều *Saṅghādisesa*, là câu hỏi về sự việc của hai điều *Aniyata*, là câu hỏi về sự việc của bốn mươi hai điều *Nissaggiya*, là câu hỏi về sự việc của một trăm tám mươi tám điều *Pācittiya*, là câu hỏi về sự việc của mười hai điều *Pāṭidesanīya*, là câu hỏi về sự việc của các điều *Dukkaṭa*, là câu hỏi về sự việc của các điều *Dubbhāsita*.

*Câu hỏi về sự hư hỏng:* Là câu hỏi về sự hư hỏng về giới, là câu hỏi về sự hư hỏng về hạnh kiểm, là câu hỏi về sự hư hỏng về quan điểm, là câu hỏi về sự hư hỏng về nuôi mạng.

*Câu hỏi về tội vi phạm:* Là câu hỏi về tội *Pārājika*, là câu hỏi về tội *Saṅghādisesa*, là câu hỏi về tội *Thullaccaya*, là câu hỏi về tội *Pācittiya*, là câu hỏi về tội *Pāṭidesanīya*, là câu hỏi về tội *Dukkaṭa*, là câu hỏi về tội *Dubbhāsita*.

*Câu hỏi về sự vi phạm:* Là câu hỏi về sự kết hợp chung lại của hai người.

3. “Ngài đã thấy thế nào? ”: Là câu hỏi về đặc điểm, là câu hỏi về tư thế, là câu hỏi về sự biểu hiện, là câu hỏi về sự thay đổi.

*Câu hỏi về đặc điểm:* Là cao, hay là thấp, hay là đen, hay là trắng.

*Câu hỏi về tư thế:* Là đang đi, hay đang đứng, hay đang ngồi, hay đang nằm.

*Câu hỏi về sự biểu hiện:* Là hình tướng tại gia, hay là hình tướng ngoại đạo, hay là hình tướng xuất gia.

*Câu hỏi về sự thay đổi:* Là đang đi, hay đang đứng, hay đang ngồi, hay đang nằm.

4. “Ngài đã thấy khi nào?”: Là câu hỏi về thời gian, là câu hỏi về thời điểm, là câu hỏi về ngày, là câu hỏi về mùa tiết.

*Câu hỏi về thời gian:* Là vào lúc sáng sớm, hay là lúc nửa ngày, hay là lúc chiều tối.

*Câu hỏi về thời điểm:* Là vào thời điểm sáng sớm, hay là thời điểm nửa ngày, hay là thời điểm chiều tối.

*Câu hỏi về ngày:* Là trước bữa ăn, hay là sau bữa ăn, hay là ban đêm, hay là ban ngày, hay là nửa tháng sau, hay là nửa tháng trước.

*Câu hỏi về mùa tiết:* Là trong mùa lạnh, hay là trong mùa nóng, hay là trong mùa mưa.

5. “Ngài đã thấy ở đâu?”: Là câu hỏi về nơi chốn, là câu hỏi về địa thế, là câu hỏi về không gian, là câu hỏi về khu vực.

*Câu hỏi về nơi chốn:* Là trên nền đất, hay là trong lòng đất, hay là ở bề mặt trái đất, hay là ở trên đất liền.

*Câu hỏi về địa thế:* Là ở trên đất bằng, hay là trong lòng đất, hay là trên sườn núi, hay là trên tầng đá, hay là trong tòa lâu đài.

*Câu hỏi về không gian:* Là không gian phía Đông, hay là không gian phía Tây, hay là không gian phía Bắc, hay là không gian phía Nam.

*Câu hỏi về khu vực:* Là khu vực phương Đông, hay là khu vực phương Tây, hay là khu vực phương Bắc, hay là khu vực phương Nam.

### **Dứt chương “Xung đột [Phần chính].”**

\*\*\*\*\*

### **TÓM LƯỢC PHẦN NÀY:**

1. Sự việc, duyên khởi, biểu hiện, việc trước và sau, đã làm hoặc chưa làm, luôn cả hành sự, sự tranh tụng, sự dàn xếp và thiên vị vì ưa thích.

2. Vì sân hận, vì si mê luôn cả vì sợ hãi, sự biết rõ, sự dập tắt, sự xem xét, được tin tưởng, “Ta đã có đồ chúng”, đã nghe [nhiều] và vị thâm niên hơn.

3. Và chưa được thành tựu, đã thành tựu, theo Pháp, theo Luật và cả lời dạy của bậc Đạo sư, là việc làm cho hiểu rõ về chương Xung đột [Phần chính].

